

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Gạch ngói Cao cấp

Ngày 30/06/2025	12,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q2/25
8.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.82 10.1%
YoY: ▲ 1.87 26.6%

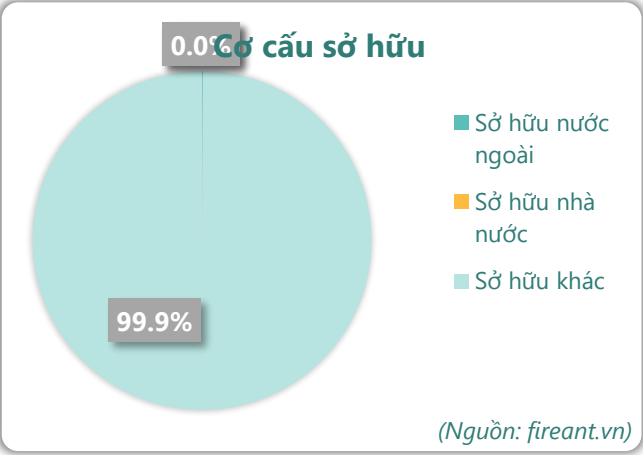
LN thuần Q2/25
1.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.80 -40.9%
YoY: ▼0.30 -20.5%

LN sau thuế Q2/25
0.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.65 -41.4%
YoY: ▼0.27 -22.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
13.2%
YoY: +/- ▼ 11.8%

ROE (TTM) Q2/25
5.5%
YoY: +/- ▼ 0.5%

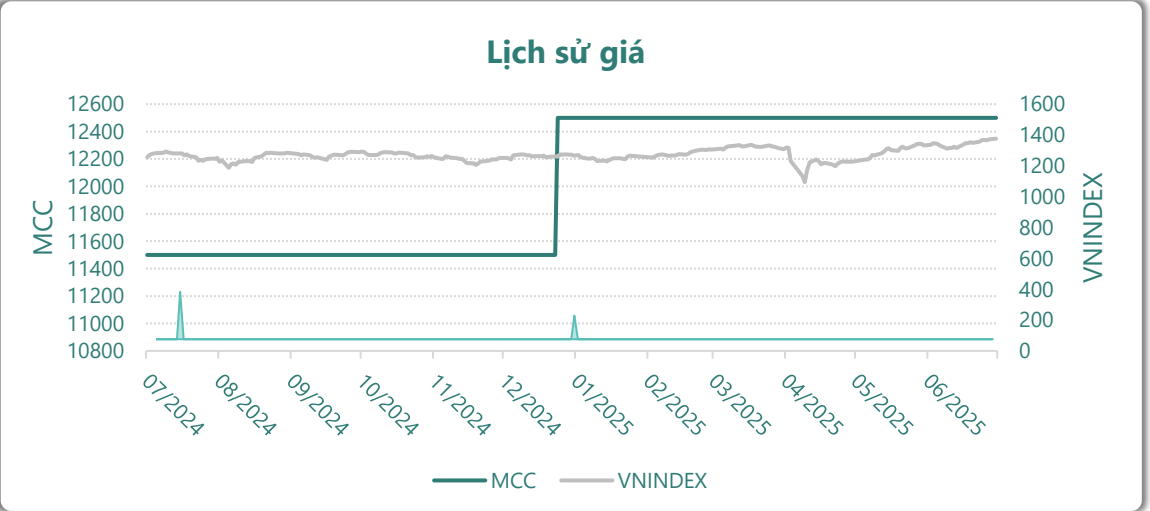
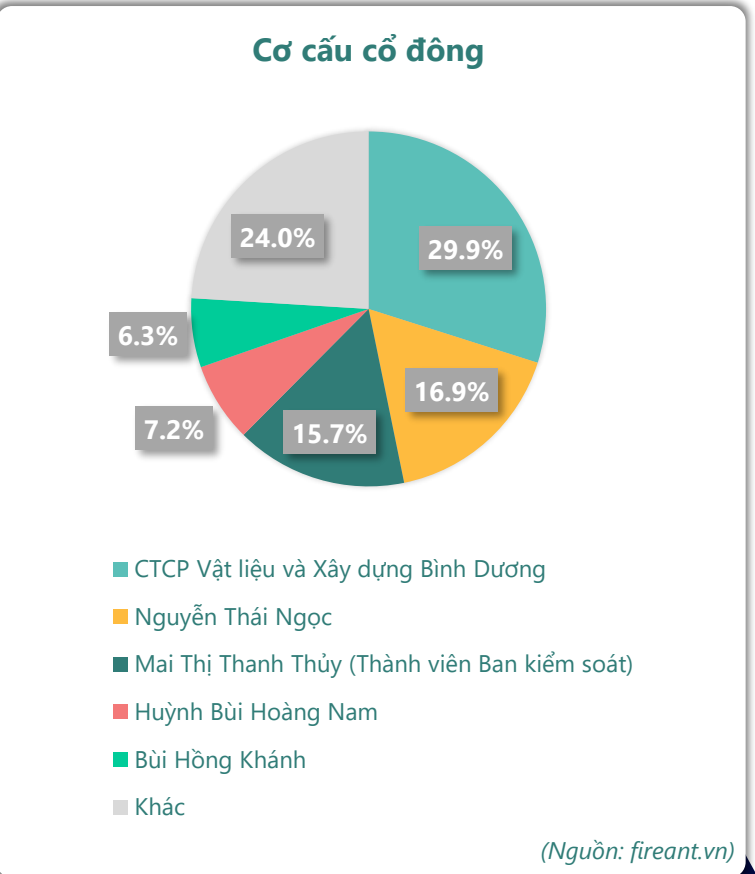
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,500 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	62
Số lượng CPLH (CP)	4,986,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	-
EPS	778
P/E	16.1



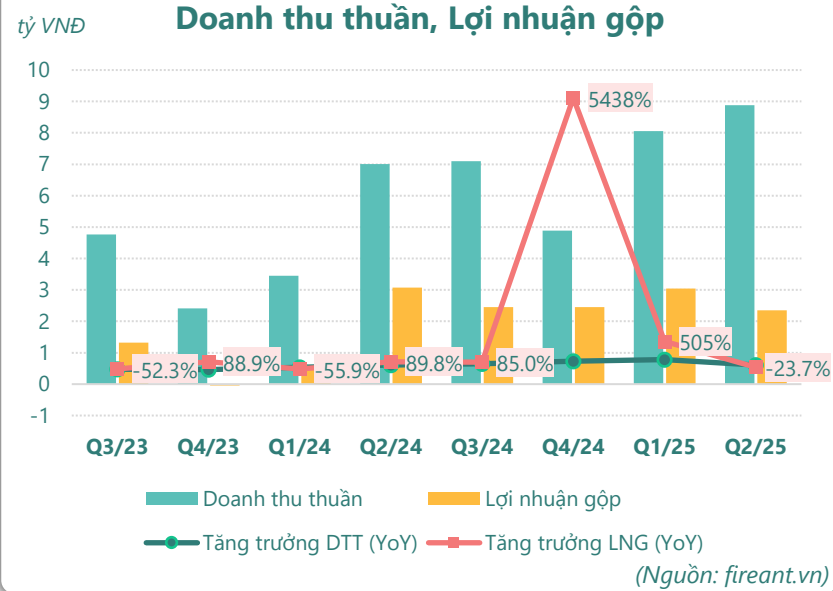
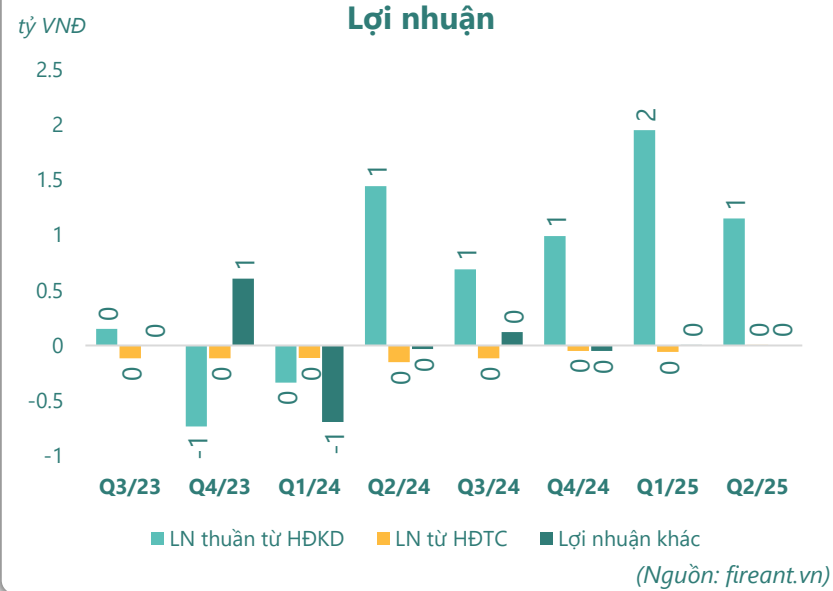
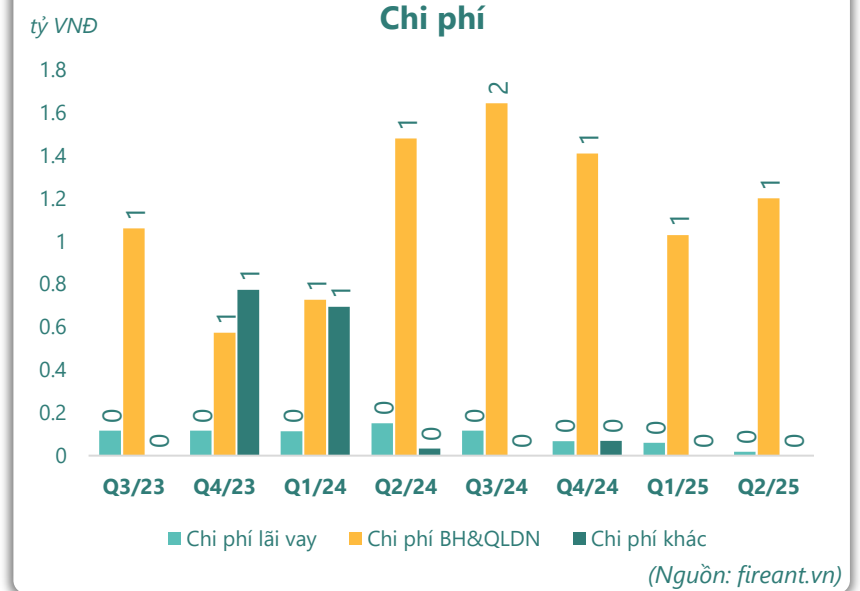
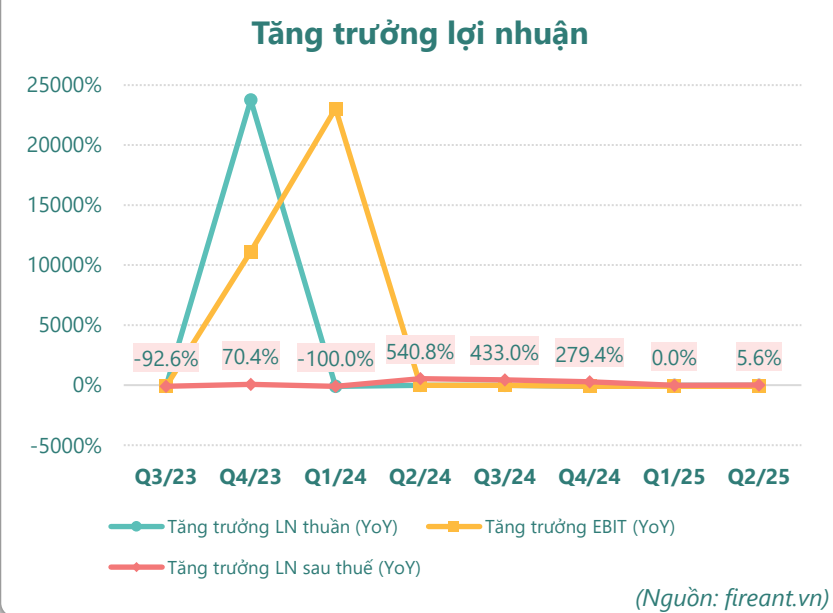
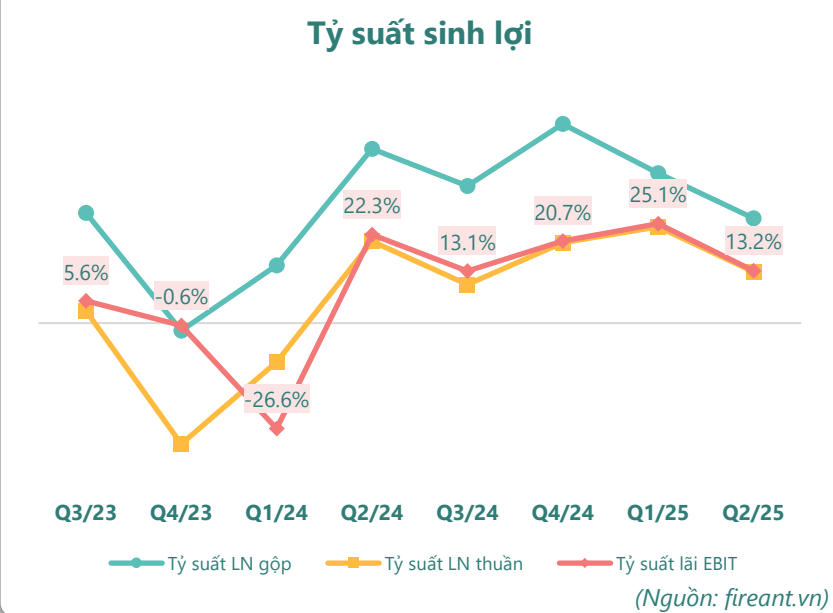
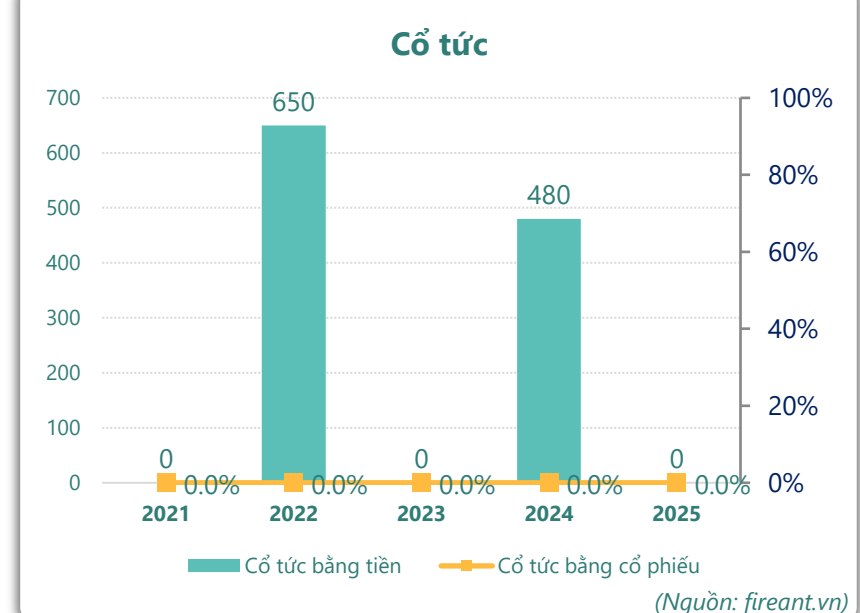
DT thuần 6T 2025
16.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.40 62.0%

LN thuần 6T 2025
3.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00 180%

LN sau thuế 6T 2025
2.49
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.33 1456%



KẾT QUẢ KINH DOANH

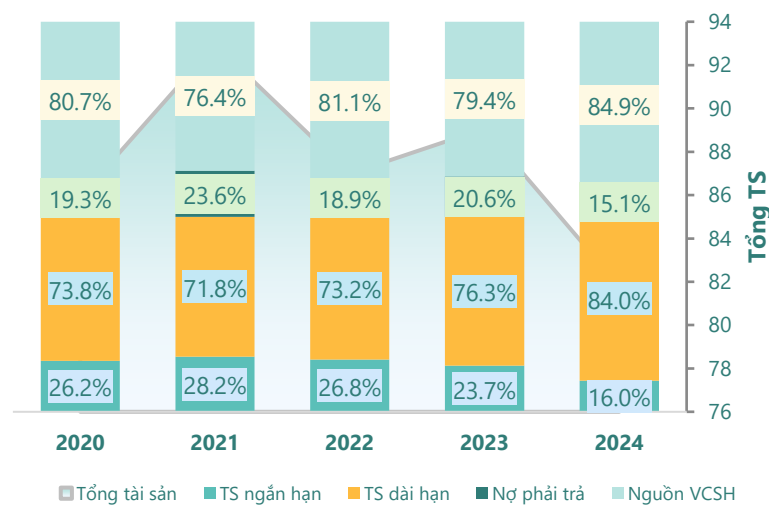




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

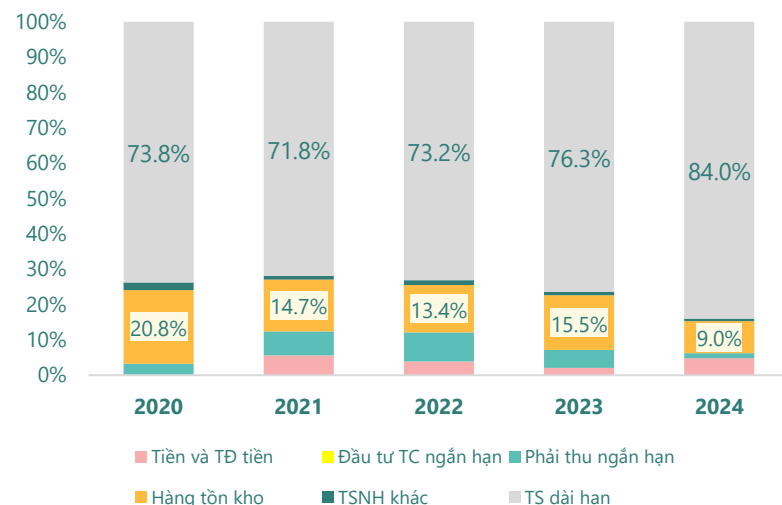
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

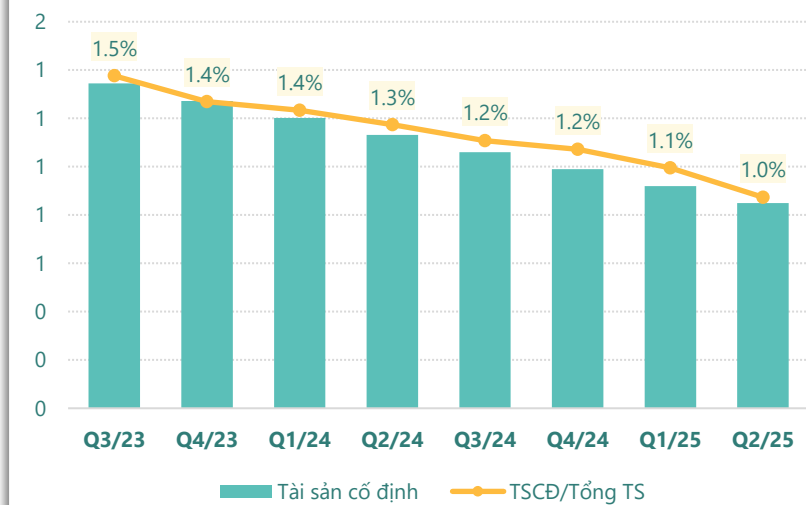
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

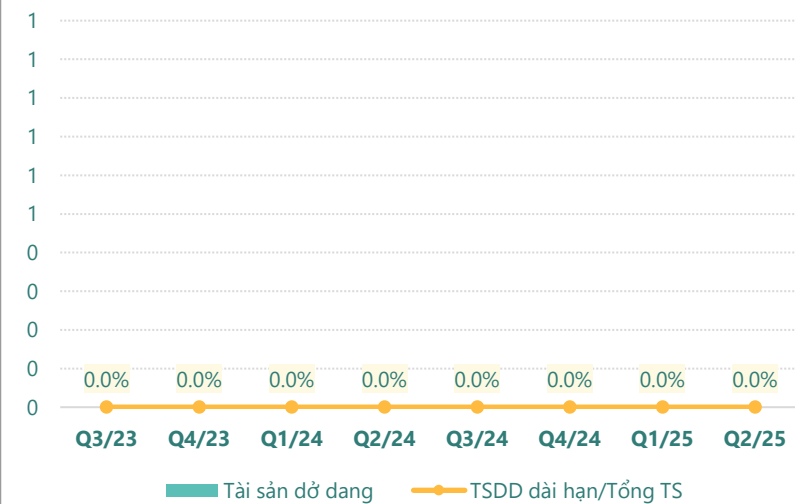
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

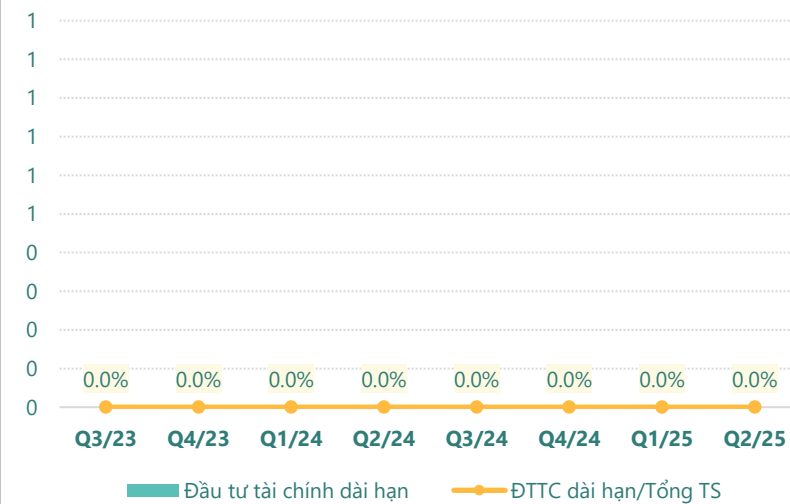
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

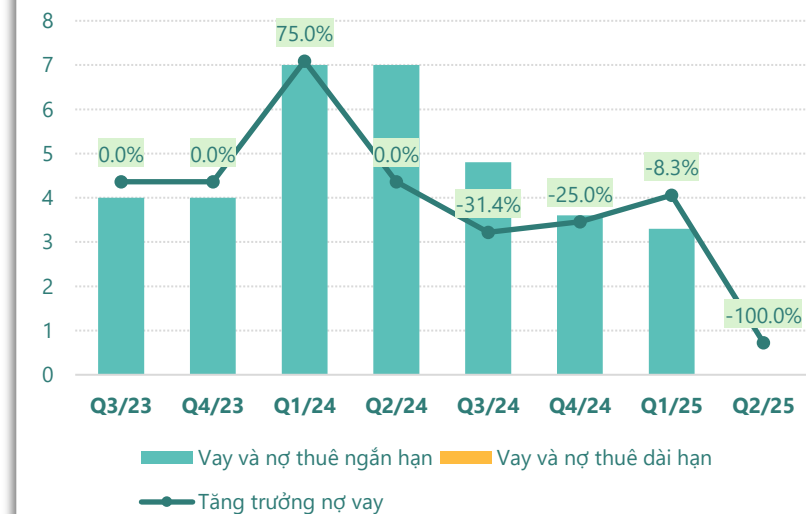
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

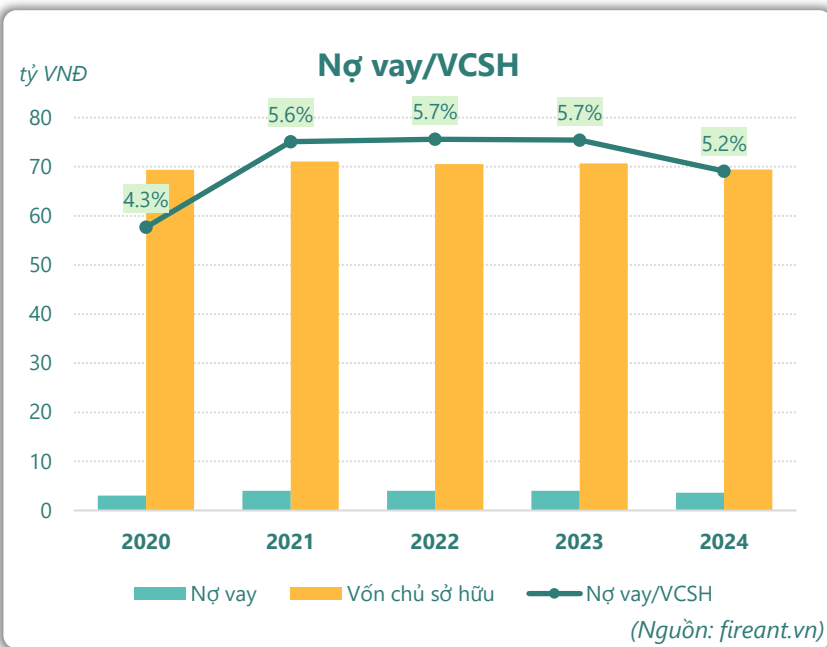
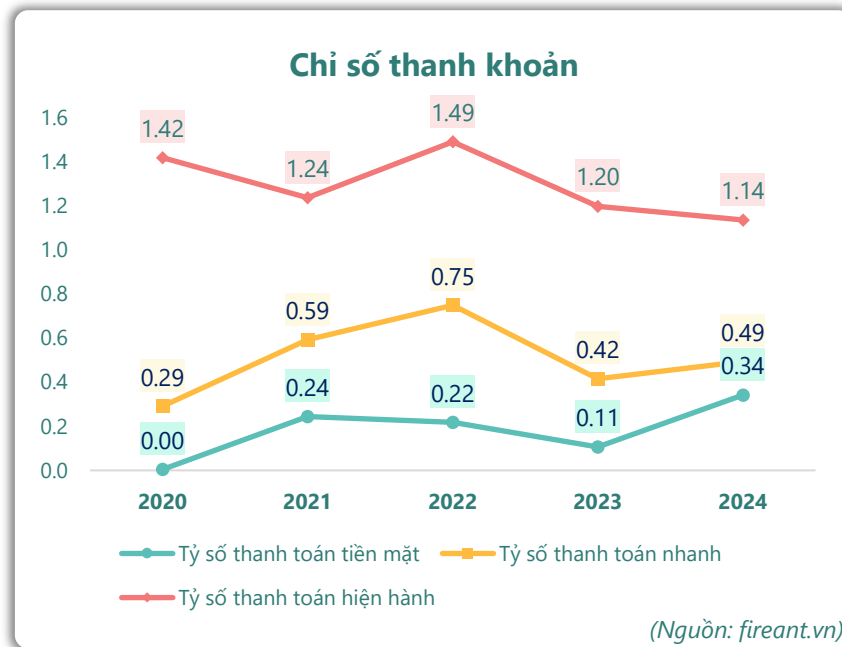
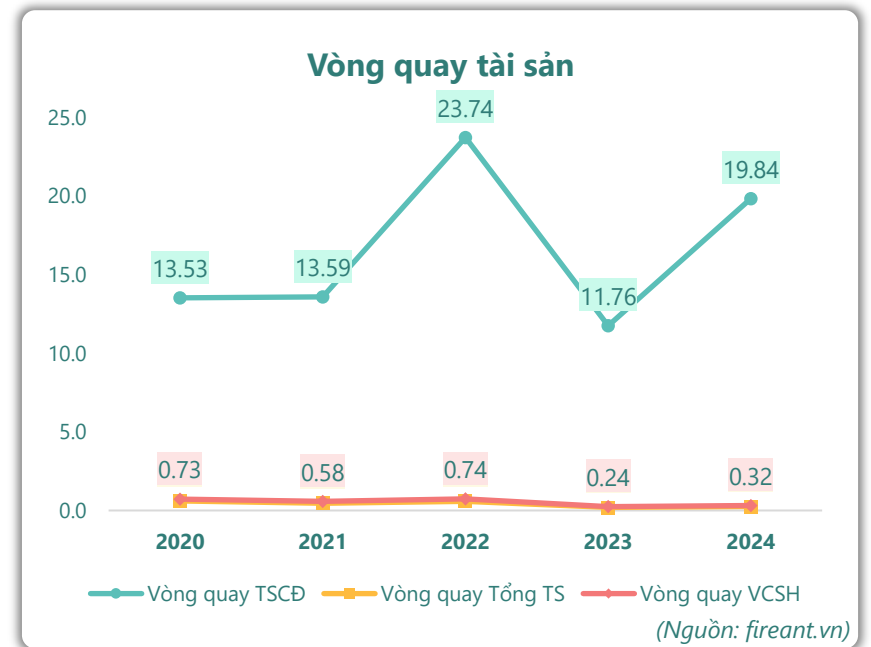
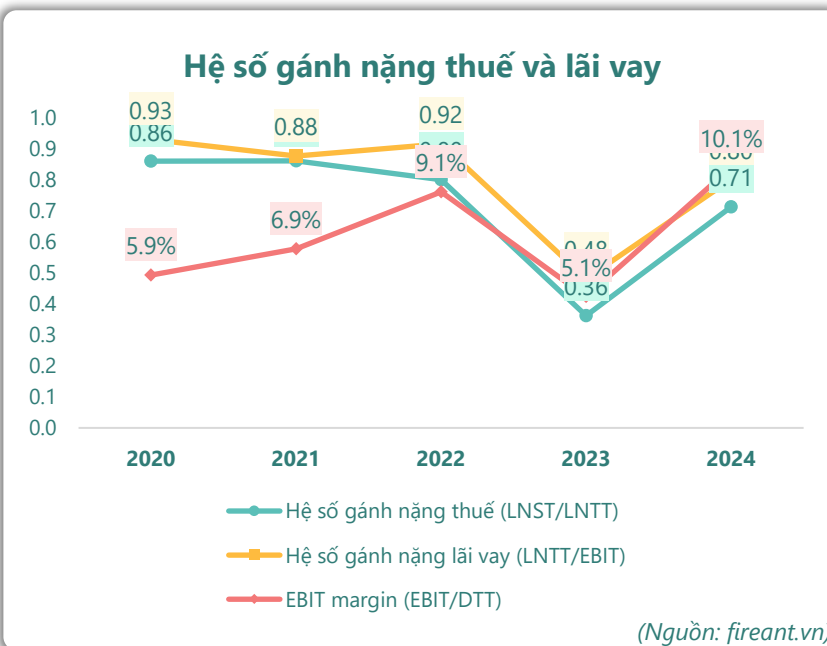
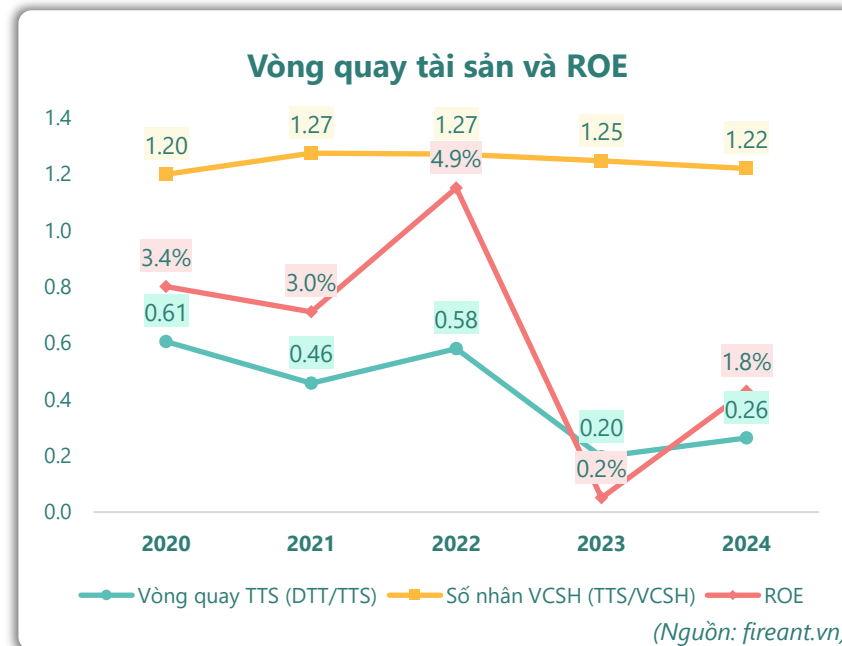
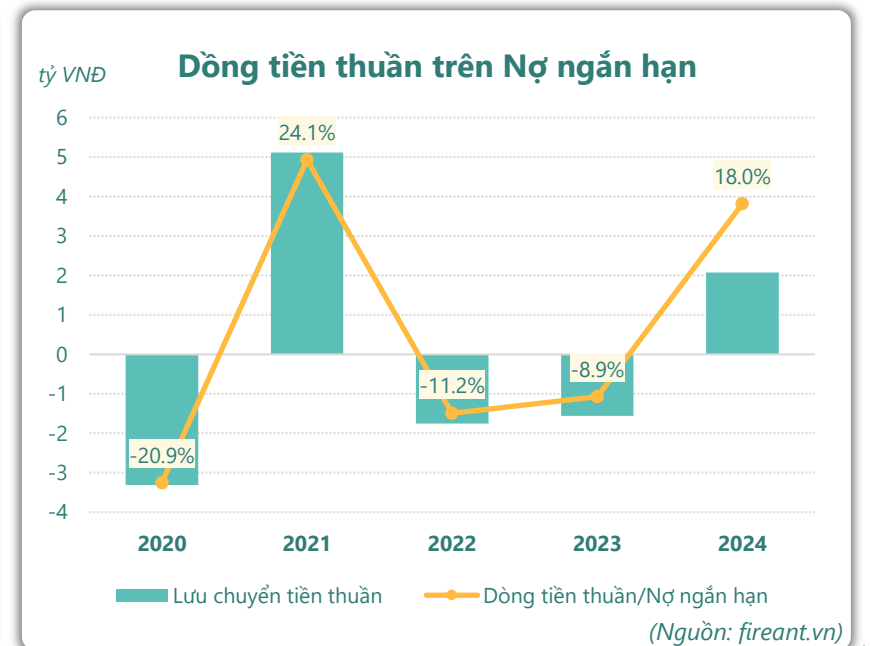
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8.88	7.01	26.6%	16.9	10.5	62.0%
Giá vốn hàng bán	6.53	3.93	66.1%	11.5	6.87	67.9%
Lợi nhuận gộp	2.35	3.08	-23.8%	5.39	3.58	50.5%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00		0.03	0.00	1602%
Chi phí TC	0.02	0.15	-87.7%	0.08	0.26	-70.5%
Chi phí lãi vay	0.02	0.15	-87.7%	0.08	0.26	-70.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.23	0.25	-8.1%	0.41	0.42	-2.7%
Chi phí QLDN	0.97	1.23	-21.1%	1.82	1.79	1.9%
LN thuần từ HĐKD	1.15	1.45	-20.5%	3.11	1.11	180%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.03	111%	0.01	-0.73	101%
LN trước thuế	1.16	1.41	-18.0%	3.11	0.38	716%
Lợi nhuận sau thuế	0.92	1.19	-22.7%	2.49	0.16	1456%
LNST của CĐ cty mẹ	0.92	1.19	-22.7%	2.49	0.16	1456%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.41	2.07	2.77	3.54	2.10	2.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.07	0.12	0.02	0.00	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.00	0	-2.20	-3.77	-0.30	-3.30
Tiền đầu kỳ	1.86	1.45	3.45	4.15	3.94	5.74
Lưu chuyển tiền thuần	-0.41	2.00	0.70	-0.21	1.80	-0.99
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.45	3.45	4.15	3.94	5.74	4.75

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	86.4	81.8	5.6%
Tài sản ngắn hạn	12.7	13.1	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	4.75	3.94	20.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.77	1.17	-34.1%
Hàng tồn kho	6.61	7.40	-10.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.59	0.59	0.0%
Tài sản dài hạn	73.7	68.7	7.2%
Phải thu dài hạn	2.22	2.14	3.3%
Tài sản cố định	0.85	0.99	-14.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	70.6	65.6	7.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.9	12.4	20.6%
Nợ ngắn hạn	14.0	11.5	21.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.60	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.73	2.91	-40.4%
Nợ dài hạn	0.88	0.85	3.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.5	69.4	2.9%
Vốn chủ sở hữu	71.5	69.4	2.9%
Vốn điều lệ	50.2	50.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

